

Số: 713 /GPMT-UBND

Đồng Xoài, ngày 18 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG Xoài

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố chuẩn hóa Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng Đăng ký đất đai, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Biên bản Tổ kiểm tra cấp giấy phép môi trường dự án “Nhà máy chế biến, đóng gói nhân hạt điều và các nông sản khác xuất khẩu (công suất 2.250 tấn/năm); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích khoảng 6.300m²” ngày 14 tháng 3 năm 2024;

Căn cứ Công văn số 18/CVMT-LSI ngày 16/9/2024 của Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods về việc chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp GPMT Dự án “Nhà



máy chế biến, đóng gói nhân hạt điều và các nông sản khác xuất khẩu (*công suất 2.250 tấn/năm*); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích khoảng $6.300m^2$ ";

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 645/TTr-TN&MT ngày 09 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods, địa chỉ trụ sở chính: Lô A5, và một phần lô A3 đường D1, khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Nhà máy chế biến, đóng gói nhân hạt điều và các nông sản khác xuất khẩu (*công suất 2.250 tấn/năm*); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích khoảng $6.300m^2$ ", với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: "Nhà máy chế biến, đóng gói nhân hạt điều và các nông sản khác xuất khẩu (*công suất 2.250 tấn/năm*); cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích khoảng $6.300m^2$ ".

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A5, một phần lô A3 đường D1; một phần lô A4 và một phần lô A6, đường D2, khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9828440327 do Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 25/4/2015, thay đổi lần thứ 6 ngày 14/6/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801099412 do phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 25/4/2015, thay đổi lần thứ 8, ngày 07/5/2024.

1.4. Mã số thuế: 3801099412.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, đóng gói nhân hạt điều, nông sản xuất khẩu; cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II đã đi vào hoạt động theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô A5, một phần lô A3 đường D1; một phần lô A4 và một phần lô A6, đường D2, khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Quy mô: Tổng vốn đầu tư dự án: **79.792.553.189 đồng** (*bảy mươi chín tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, một trăm tám mươi chín đồng*). Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: Chế biến, đóng gói nhân hạt điều và các nông sản khác xuất khẩu (*công suất 2.250 tấn/năm*); cho thuê nhà xưởng với diện tích khoảng 6.300m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods:

1. Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài (*thông qua phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố*) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân xã Tiên Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Văn phòng HĐND và UBND thành phố chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên Trang thông tin điện tử thành phố./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Tiên Hưng;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- LĐVP, CV: KT, MC;
- Lưu: VT. dm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Hồng Khang

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 713/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại nhà máy và kho ngoại quan với lưu lượng 17,6 m³/ngày. Lượng nước sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 5 ngăn đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, không xả ra môi trường). Đã có Biên bản thỏa thuận đấu nối nước thải giữa Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú (Chủ đầu tư hạ tầng khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) về đấu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp ngày 12/12/2017.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước thải lᾶn cặn lắng phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Dự án được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Công ty TNHH Long Son Inter Foods đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa.

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor) với lưu lượng khoảng 17,6 m³/ngày được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú để xử lý.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án theo đường ống nhựa

NHÂN DÂN

PVCØ200 chảy về 2 hố ga dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải giữa công ty TNHH Long Sơn Inter Foods với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu Công nghiệp (theo tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực: 106°15' và mui chiếu: 3°):

- + Tọa độ vị trí đầu nối đường D1: (X, Y) = (1269848, 568910).
- + Tọa độ vị trí đầu nối đường D2: (X, Y) = (1269941, 568630).

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất: nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng khoảng 2m³/ngày (tính cho ngày thay nước ở bể hấp thụ với tần suất 3 tháng/lần) được chứa tại bể chứa nước hấp thụ bằng BTCT, kích thước DxRxH: 1,0mx2,0x1,0m, sau đó được xả vào các thùng chứa 50 lít (khoảng 40 thùng có nắp đậy) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của nhà máy, kho ngoại quan cho thuê được xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Tại khu vực nhà máy: đã xây 2 hầm tự hoại, mỗi hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 4,4 x 2 x 2,4 = 21 m³).

- Tại khu vực văn phòng kho ngoại quan: đã xây 1 hầm tự hoại để xử lý, hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 3,1 x 1,9 x 1,8 = 10,6 m³).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Thu gom, chuyển giao nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 713/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dự án có 01 dòng khí thải sau xử lý ra môi trường: tại ống khói của Hệ thống xử lý khí thải lò hơi với tọa độ theo VN-2000: kinh tuyến $106^{\circ}15'$, mũi chiếu 3° : (X, Y) = (1269839, 568884).

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Long Sơn Inter Foods, địa chỉ tại Lô A5, và một phần lô A3, đường D1, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả khí thải tối đa là $36.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (xả thải 8h/ngày đêm) tương đương $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải lò hơi sau xử lý xả ra môi trường qua ống khói cao 15m và xả liên tục khi hoạt động (thời gian xả thải khoảng 8 tiếng/ngày đêm).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, (cột B, hệ số $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,0$), cụ thể như sau:

S T T	Các chất ô nhiêm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	--	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
	Bụi	mg/Nm^3	200		
	CO	mg/Nm^3	1000		
	SO_2	mg/Nm^3	500		
	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý; Ống dẫn thép, đường kính Ø500mm; thu gom về HTXL khí thải, công suất của hệ thống là 4.500 m³/h.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclone → Quạt hút → Bể nước dập bụi → Tháp hấp phụ → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất: 4.500 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất, sử dụng nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (*theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

- Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý khí thải không có khả năng xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền sản xuất khí thải. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL khí thải. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau HTXL đạt quy chuẩn cho phép mới tiến hành sản xuất bình thường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi: công suất thiết kế 4.500 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu ra (ống thải) của hệ thống xử lý khí thải lò hơi với tọa độ: (theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực: 106°15' và múi chiếu: 3°) X: 1269839; Y: 568884.

2.2.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép

- Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, kp = 1,0, kv = 1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 713/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực sàng.
- Nguồn số 02: Khu vực sấy.
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1269800; Y = 568867.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1269848; Y = 568834.
- Nguồn số 03: Tọa độ X= 1269839; Y = 568884.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, mũi chiếu 3°).

3. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị là 4-6 tháng/lần.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực nhà máy đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ÚNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 713/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	20
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	Rắn	KS	30
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	10
4	Pin, ác qui thải	16 01 12	Rắn	NH	20
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải	18 01 02	Rắn	KS	10

6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	18 01 03	Rắn	KS	16
7	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải.	08 02 04	Rắn	KS	20
8	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	08 02 01	Rắn/lỏng	KS	15
Tổng cộng					141

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất	Khối lượng
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	TT-R	18 01 05	4,13
2	Sản phẩm, nguyên liệu chế biến hỏng	TT-R	14 04 02	46
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	TT-R	18 01 06	0,19
4	Pallet gỗ	TT-R	11 02 02	0,04
5	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải khác với các loại trên	TT	04 02 08	0,593
6	Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi	TT	04 02 06	10,9
Tổng cộng				61,853

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi Trường.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 198 kg/ngày chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn nguy hại được chứa trong thùng nhựa HDPE, có dán nhãn, thể tích 120 lít, số lượng: 08 thùng.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 13,26 m² (kích thước 3,9m x 3,4m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định,...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh. Dự án bố trí 05 bao bì để chứa Chất thải công nghiệp thông thường.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 120 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách bao quanh, cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển cảnh báo,...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng và bố trí các thùng rác nhựa dung tích 10 lít, 60 lít phân bố rải rác tại văn phòng, nhà vệ sinh, nhà ăn,... Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom.

b) Kho lưu chứa: Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu chứa trong các thùng chứa, bao bì đặt xung quanh khu vực xưởng, nhà vệ sinh, cuối ngày được chuyển ra khu vực tập kết công ra vào để thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 713/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của UBND thành phố Đồng Xoài)

1. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thành phố Đồng Xoài, phòng Tài nguyên và Môi trường, trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND thành phố Đồng Xoài, phòng Tài nguyên và Môi trường, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Thực hiện các quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định để xử lý; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật liên quan./.

